

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện T
Tỉnh L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 29/2020/HSST
Ngày: 19-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hà.

Bà Nguyễn Thị Duyên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Thúy – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông Lê Văn Hai –
Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2020/TLST - HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 11 năm 2020, đối với hai bị cáo:

1/Họ và tên: **Trần Thanh S**, sinh năm: 1987, tại: tp. H.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: 178/261 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, thành phố H; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh Mạnh (đã chết) và bà Nguyễn Thị Lan; bản thân chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 18/4/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố H ra Quyết định áp dụng biện xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong Quyết định ngày 31/10/2019; nhân thân: ngày 04/11/2012, bị Ủy ban nhân dân Quận 8, thành phố H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, ngày 01/02/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố H xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “*Cướp giật tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2017, được xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/9/2020, tạm giam từ ngày 11/9/2020 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2/Họ và tên: **Khổng Hồng Đ**, sinh năm: 1982, tại: tp. H.

Nơi ĐKTT và chỗ ở: 325/16/16 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố H; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Hồng Ngọc (đã chết) và bà Nguyễn Thị Lệ (đã chết); bản thân chưa vợ, con; tiền án - tiền sự: không; nhân thân: năm 2003, bị Ủy ban nhân dân thành phố H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dục đào tạo giải quyết việc làm số 3, đến ngày 16/01/2008 cho tái hòa nhập cộng đồng; ngày 23/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố H xử phạt 03 năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/4/2012, đã được xóa án tích; ngày 21/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong Quyết định ngày 15/7/2019. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/9/2020, tạm giam từ ngày 11/9/2020 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Nguyễn Văn Yêm, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Cư trú: Khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Thùy Linh, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Cư trú: 27/3 Cao Văn Ngọc, phường Phú Trung, quận Tân Phú, tp H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với nhau từ trước, khoảng 11 giờ ngày 07/9/2020, Trần Thanh S điện thoại cho Khổng Hồng Đ và hẹn gặp nhau tại quán cà phê ở Quận 8, thành phố H (không xác định được địa chỉ cụ thể). Tại đây, S rủ Đ cùng đi đến khu vực tỉnh L để trộm cắp tài sản là bình ắc qui gắn trên xe ô tô tải bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đ đồng ý và cùng thực hiện. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, Biển số 59D2- 818.79 là tài sản của bà Trần Thị Thùy Linh chở S ngồi phía sau, khi đi S có mang theo 01 cái chìa khóa (cờ lê) kích cỡ 13. Cả hai đi đến thành phố Tân An, lưu thông theo Quốc lộ 62 từ hướng thành phố Tân An về thị xã Kiến Tường, tỉnh L.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Đ và S phát hiện xe ô tô tải biển số 63C- 112.92 của ông Nguyễn Văn Yêm đậu tại cửa hàng xăng – dầu Petrolimex

số 17, thuộc khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, không người trông giữ. Đ điều khiển xe quay lại hướng về tp tân An và dừng xe lại, ngồi trên xe mô tô chờ, còn S xuống xe đi vào tiếp cận xe ô tô tải nêu trên. S phát hiện trên xe có gắn 02 bình ắc qui cùng nhãn hiệu GS N150 12v- 150Ah, S sử dụng chìa khóa (cờ lê) đem theo mở bu lông lấy trộm. Khoảng 30 phút sau thì S mở lấy được 02 bình ắc qui ra khỏi xe và kêu Đ vào khiêng phụ 01 cái bình ắc qui ra để lên xe mô tô, S khiêng 01 cái bình ắc qui đi theo sau. Lúc này, anh Nguyễn Văn Tài phát hiện, truy hô, S bỏ 01 bình ắc qui lại tại hiện trường và lên xe mô tô do Đ điều khiển bỏ chạy, anh Tài và anh Võ Văn Hoài đuổi theo bắt giữ được Đ, S giao Công an xử lý.

Tại Bản kết luận số 18/KL-HĐĐG ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh L, kết luận: 02 bình ắc qui cùng nhãn hiệu GS N150 12v- 150Ah trị giá 5.040.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đã nhìn nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSTT, ngày 23/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trần Thanh S và Không Hồng Đ cùng về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hai bị cáo cùng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt:

Trần Thanh S từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Không Hồng Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự. Về tang vật: hoàn trả cho bị cáo Đ: 01 điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu SamsungT4, màu xanh, gắn sim số 0708.390.629 và hoàn trả cho bị cáo S: 01 ĐTDD nhãn hiệu Philip, màu đen, loại bàn phím, không gắn thẻ sim.

Trách nhiệm dân sự: không có yêu cầu, nên không đề cập.

Hai bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Hai bị cáo trong lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Cả hai bị cáo S và Đ đều nghiện ma túy và có quen biết với nhau từ trước, ngày 07/9/2020, sau khi hẹn uống cà phê tại Quận 8, tp H thì S rủ Đ cùng đi trộm cắp tài sản là bình ắc qui gắn trên xe ô tô tải không người trông giữ bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đ đồng ý và cùng thực hiện. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi Đ điều khiển xe mô tô chở S đến địa phận phố 5, thị trấn T, huyện T thì cả hai phát hiện xe ô tô tải của ông Yễm đang đậu không người trông giữ, nên đã lợi dụng sơ hở, lén lút lấy trộm 02 bình ắc qui cùng nhãn hiệu GS N150 12V-150Ah trị giá 5.040.000 đồng. Do đó hành vi của S và Đ đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Việc định khung hình phạt đối với hai bị cáo theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo S và Đ cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên mang tính chất đồng phạm giản đơn và giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng và dưới 50.000.000 đồng, nên thuộc trường hợp định khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của hai bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Hai bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[5] Xét về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự: không.

[6] Xét về tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự: cả hai bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra xét thấy hai bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại. Do đó hai bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Trong vụ án cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của từng bị cáo khi lượng hình. Cụ thể:

[7.1] Bị cáo S là người rủ rê bị cáo Đ cùng thực hiện tội phạm, bị cáo S cũng đã chuẩn bị công cụ phạm tội là 01 cơ lê kích cỡ 13 để tháo các bình ắc qui, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội là tháo gỡ các bình ắc qui. Xét về tiền sự: ngày 18/4/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố H ra Quyết định áp dụng biện xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong Quyết định ngày 31/10/2019. Xét về nhân thân: ngày 04/11/2012, bị Ủy ban nhân dân Quận 8, thành phố H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, ngày 01/02/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố H xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “*Cướp giật tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2017, được được xóa án tích. Xét thấy cần cách ly bị cáo S ra khỏi xã hội mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và bị cáo S phải chịu hình phạt nặng hơn bị cáo Đ.

[7.2] Bị cáo Đ sau khi bị cáo S rủ rê đã đồng ý thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức tích cực thể hiện trong việc chở bị cáo S đi tìm tài sản và là người cảnh giới, khi bị phát hiện cũng là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo S bỏ chạy. Xét về nhân thân: năm 2003, bị Ủy ban nhân dân thành phố H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dục đào tạo giải quyết việc làm số 3, đến ngày 16/01/2008 cho tái hòa nhập cộng đồng, ngày 23/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố H xử phạt 03 năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/4/2012, đã được xóa án tích; ngày 21/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố H ra Quyết định áp dụng biện xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong Quyết định ngày 15/7/2019. Xét thấy cũng cần cách ly bị cáo Đ ra khỏi xã hội mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội

[8] Xét thấy hai bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và là người nghiện ma túy, nên không áp dụng hình phạt tiền đối với 02 bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[9] Trong quá trình điều tra còn xác định được bị cáo Đ có hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” tại nhà của chị bị cáo tên Trần Thị Mỹ Linh, thuộc ấp Tân Điền, xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh L vào ngày 07/9/2020 và bị cáo S có hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” tại nhà của bị cáo, thuộc phường 9, Quận 8, thành phố H vào ngày 07/9/2020. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã có Công văn số 196 và số 197/CSĐT-ĐTTH cùng ngày 15/10/2020, đề nghị Công an xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh L và Công an phường 9, Quận 8, thành phố H, xem xét, xử lý Đ và S theo thẩm quyền.

[10] Về tang vật:

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ và hoàn trả cho: ông Nguyễn Văn Yễm: 02 bình ắc qui nhãn hiệu GS N150 12v- 150Ah thuộc sở hữu của ông Yễm, hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ Linh là chị bị cáo Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn xanh, Biển số 59D2- 818.79, số máy: 1119312, số khung: 258572 thuộc sở hữu của Linh cho bị cáo Đ mượn làm phương tiện đi lại, Đ sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản bà Linh không biết. Xét thấy phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với: 01 điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu Samsung T4, màu xanh, số Imei 1: 353793100689614/01, số Imei 2: 353794100689612/01, gắn sim số 0708.390.629, thuộc sở hữu của bị cáo Đ và 01 ĐTDD nhãn hiệu Philip, màu đen, loại bàn phím, số Imei 1: 865008033879930, số Imei 2: 865008033879948, không gắn thẻ sim, thuộc sở hữu của bị cáo S. Cả hai điện thoại, hai bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên hoàn trả lại cho hai bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 cái chìa khóa (cờ lê) kích cỡ 13 và 01 thẻ sim điện thoại của bị cáo S, quá trình bỏ chạy đã làm rách nát. Cơ quan CSĐT đã truy tìm, nhưng không tìm thấy, không thu giữ được, nên không xem xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Yễm và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Linh vắng mặt, nhưng lời khai có trong hồ sơ của ông Yễm (*bút lục số 83*) và lời khai của bà Linh (*bút lục số 85*) đều thể hiện là không có yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

[10] Về án phí: hai bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh S và Khổng Hồng Đ cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

Trần Thanh S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/9/2020.

Khổng Hồng Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/9/2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam hai bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (19/11/2020) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Về Tang vật:

- Hoàn trả cho bị cáo Trần Thanh S: 01 ĐTDD nhãn hiệu Philip, màu đen, loại bàn phím, số Imei 1: 865008033879930, số Imei 2: 865008033879948, không gắn thẻ sim.

- Hoàn trả cho bị cáo Khổng Hồng Đ: 01 điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu Samsung T4, màu xanh, số Imei 1: 353793100689614/01, số Imei 2: 353794100689612/01, gắn sim số 0708.390.629.

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKSTT, ngày 23/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Về án phí: Bị cáo S và Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh L;
-VKSND tỉnh L;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-VKDND huyện T;
-CA huyện T;
-THA huyện T;
-Bị cáo;Đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn.

NGUYỄN Đ BẢO

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

T, ngày 19 tháng 11 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 19 tháng 11 năm 2020.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đ Bảo.

Các Hội thẩm: Ông Phan Văn Hà.

Bà Nguyễn Thị Duyên.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2020/TLHS-ST, ngày 2/10/2020 đối với bị cáo: Trần Thanh S và Khổng Hồng Đ.

Căn cứ vào Điều 259 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh:

Bị cáo Trần Thanh S và Khổng Hồng Đ cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Trần Thanh S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/9/2020.

Khổng Hồng Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 07/9/2020.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam hai bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (19/11/2020) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Về Tang vật:

- Hoàn trả cho bị cáo Trần Thanh S: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Philip, màu đen, loại bàn phím, số Imei 1: 865008033879930, số Imei 2: 865008033879948, không gắn thẻ sim.

- Hoàn trả cho bị cáo Không Hồng Đ: 01 điện thoại di động (ĐTDĐ) nhãn hiệu Samsung T4, màu xanh, số Imei 1: 353793100689614/01, số Imei 2: 353794100689612/01, gắn sim số 0708.390.629.

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKSTT, ngày 23/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Về án phí: Bị cáo S và Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 45 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

PHAN VĂN HÀ

NGUYỄN THỊ DUYÊN

NGUYỄN Đ BẢO